

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 36/2017/DS-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2017
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

¹
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Hùng B

2/ Bà Đặng Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2016/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2016 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 57/2017/QĐST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** 1/ **Bà Bùi Thị Thúy N**, sinh năm 1968.

2/ **Ông Nguyễn Văn B**, sinh năm 1969.

+ Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Bùi Thị Thúy N là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2016). Có mặt.

- **Bị đơn:** 1/ **Bà Lê Thị Đ**, sinh năm 1971. Vắng mặt.

2/ **Ông Nguyễn Văn N**, sinh năm 1965. Vắng mặt.

+ Cùng địa chỉ: khóm T, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thúy N trình bày:

Xuất phát từ quan hệ bạn bè nên vợ chồng bà và ông N, bà Đ có xác lập hợp đồng vay nợ. Lúc đầu bà Đ vay 100.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận thanh toán trong vài ngày. Sau khi nhận tiền bà Đ không thanh toán như đã hẹn, ông bà nhiều lần yêu cầu trả nợ thì bà Đ trả được 20.000.000đ, còn 80.000.000đ. Sau đó, hai bên

thống nhất xác lập hợp đồng vay tiền mới với tiền vay 80.000.000, biên nhận ngày 09/02/2015 do bà Đ ký tên, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Ông bà có yêu cầu ông N ký tên vào hợp đồng vay tiền, ông N không đồng ý ký tên mà lấy dấu Doanh nghiệp Tư nhân tiệm vàng Đại Gia đóng dấu vào hợp đồng. Từ lúc ký tên vào hợp đồng ngày 09/02/2015, bà Đ trả được 06 tháng lãi với số tiền 14.400.000đ nhằm mỗi tháng 2.400.000đ. Sau đó, bà Đ có trả thêm được 6.000.000đ, tổng cộng bà đã nhận tiền lãi của bà Đ là 20.400.000đ thì ngưng. Thời gian qua ông bà nhiều lần yêu cầu ông N bà Đ trả nợ, ông N bà Đ hứa thanh toán nhưng không thực hiện.

Do ông N, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông bà yêu cầu bà Đ và ông N liên đới chịu trách nhiệm trả 111.200.000đ, trong đó vốn vay 80.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 09/8/2015 đến ngày 09/9/2016 là 31.200.000đ.

**** Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Đ trình bày:***

Bà thừa nhận trước đây có vay của bà N, ông B 100.000.000đ để cho người khác mượn lại. Bà là người nhận tiền, việc vay mượn có làm hợp đồng với mức lãi suất 12%/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận. Bà đóng lãi mỗi tháng 12.000.000đ, nộp được bao nhiêu tháng và nộp đến thời gian nào thì bà không nhớ. Sau đó trả cho bà N, ông B được 20.000.000đ, còn nợ lại 80.000.000đ, có làm lại hợp đồng vay mới với số tiền 80.000.000đ như bà N trình bày. Việc vay mượn tiền chỉ giữa bà với bà N, ông B không liên quan đến ông N. Do bà N muốn ông N cùng ký tên vào biên nhận ngày 09/02/2015, nên bà lấy dấu Doanh nghiệp đóng dấu vào hợp đồng vay tiền để bà N có niềm tin. Sau khi ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2015, bà có nộp lãi mỗi tháng 10.800.000đ, nộp đến tháng 8/2015 thì bà N giảm còn 8.100.000đ/tháng, bà trả được 03 tháng lãi. Sau đó trả tiếp cho bà N, ông B được thêm 6.000.000đ tiền lãi như bà N trình bày. Ngoài ra, khi đến nhà đòi nợ bà N có lấy trang sức trong tủ vàng của vợ chồng bà để sử dụng, giá trị bao nhiêu thì bà không nhớ vì không ghi sổ sách.

Bà Đ thừa nhận còn nợ bà N, ông B tiền vốn 80.000.000đ, không đồng ý trả lãi, vì số tiền vay của bà N là do bà mượn dùm cho bạn, do bạn bà không trả lãi được nên bà cũng không còn khả năng nộp. Bà Đ yêu cầu trả mỗi tháng 500.000đ đến khi hết nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông N vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:***

Thẩm phán chấp hành đúng quy định Điều 48 BLTTDS. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, 171, 175 và 177 BLTTDS. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều

220 BLTTDS. Về thủ tục nhận đơn khởi kiện và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn ông N không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, ông N và bà Đ vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà N và ông B yêu cầu ông N và bà Đ liên đới trả vốn gốc 80.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với yêu cầu tính lãi, tại phiên tòa bà N rút yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với số tiền bà Đ, ông N nợ vợ chồng bà. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà N, không trái quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N và bà Đ.

[2] **Về nội dung:** Bà Bùi Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ liên đới chịu trách nhiệm trả vốn vay 80.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 09/8/2015 đến ngày 09/9/2016 là 31.200.000đ. Bà N không thừa nhận có lấy nữ trang của bà Đ, ông N cũng như không nhận tiền lãi do bà Đ đóng như bà Đ trình bày.

Bà Đ trình bày có vay nợ của bà N, ông B và thừa nhận đến nay còn nợ 80.000.000đ như bà N, ông B trình bày nhưng yêu cầu được trả mỗi tháng 500.000đ đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi. Ông N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N và bà Đ trả vốn 80.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà Đ. Đối với tiền lãi đã nhận, bà xác định có nhận tiền lãi do bà Đ trả 7 lần là 22.600.000đ.

[3] Qua lời trình bày của các đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2015 do bà Lê Thị Đ ký tên, có đóng dấu Doanh nghiệp TN Tiệm vàng Đại Gia để yêu cầu ông N và bà Đ liên đới trả 80.000.000đ, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy về nợ vốn 80.000.000đ các bên đã thống nhất, không tranh chấp, nhưng do không thỏa thuận được phương thức thanh toán, nên không ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tiền lãi, mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là cao so với quy định pháp luật, nhưng thực tế bà Đ trả lãi không đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2015 mà chỉ trả được 22.600.000đ thì ngưng từ tháng 8/2015 đến nay. Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả vốn vay là thiết thời cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh 22.600.000đ tiền lãi bị đơn đã trả.

Đối với lời trình bày của bà Đ cho rằng ông N không liên quan đến khoản nợ của ông B và bà N. Do khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà Đ, nên căn cứ Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình để buộc ông N và bà Đ chịu trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông B và bà N. Do đó, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thúy N 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N và bà Đ trả vốn 80.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút.

Về lời trình bày của bà Đ cho rằng sau khi ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2015, bà trả lãi mỗi tháng 10.800.000đ đến tháng 8/2015 thì bà N giảm còn 8.100.000đ/tháng, bà trả được 03 tháng lãi sau đó trả thêm cho bà N, ông B được 6.000.000đ. Ngoài ra bà N có lấy trang sức trong tủ vàng của vợ chồng bà để sử dụng nhưng bà không xác định được giá trị. Ngoài lời trình bày, bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 5; khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông N và bà Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 4.000.000đ án phí.

Ông B và bà N được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Căn cứ vào:**

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 244; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự;

- Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 5; khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

5

- Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thúy N đối với ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thúy N 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thúy N đối với ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thúy N được nhận lại 2.780.000đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010254, ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gửi:

- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Nguyễn Thị Hoa

